

Bản án số: 128/2024/HS-PT
Ngày 30-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Lộc

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Huy Toàn;

Bà Trần Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 134/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Hoàng T. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 160/2024/HS-ST ngày 24/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Hoàng T sinh năm 1990 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký thường trú: khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký tạm trú: số A đường B, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Thu gom rác thải; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh Đ và bà Phạm Thị P; bị cáo có vợ và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 10/3/2010, bị Tòa án nhân dân huyện (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 11 tháng 22 ngày về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 56; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn 02 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 19 giờ 00 ngày 16/11/2021, bị cáo Nguyễn Hoàng T đến tiệm cầm đồ Ao Minh H do ông Ao Minh H làm chủ để thế chấp 01 giấy chứng nhận đăng ký xe và 01 sổ đăng kiểm xe ô tô chuyên dụng (xe chở rác) biển số 70C - 151.12 đứng tên Công ty TNHH P1 PHÁT. Ông H kiểm tra và nhận thế chấp số giấy tờ này với số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 6%/tháng, đến tháng 10/2022 lãi suất còn 3%/tháng. Khoảng giữa tháng 01/2022 xe chở rác của T bị Cảnh sát giao thông tạm giữ T gặp ông H cho mượn lại 02 giấy tờ đã cầm để xuất trình cho Cảnh sát giao thông, xong việc sẽ trả lại. Sau khi nhận 02 giấy tờ trên từ ông H, T làm thủ tục nhận xe. Sau đó, bà Phạm Thị P (mẹ của T) đã giữ 02 giấy tờ trên (việc T cầm cố giấy tờ xe bà P không biết). Sau đó, ông H nhiều lần yêu cầu T đưa lại 02 giấy tờ trên nhưng T không đưa. Khoảng tháng 02/2022, T lên mạng xã hội Facebook thấy có người quảng cáo làm giả giấy tờ, T đã liên lạc và chuyển hình ảnh giấy chứng nhận đăng ký xe và sổ đăng kiểm xe ô tô biển số 70C- 151.12 có sẵn trong điện thoại của T cho người này với thoả thuận làm giả 02 giấy tờ trên với số tiền 1.200.000 đồng. Sau một ngày T được hẹn đến trước Trung tâm y tế thành phố D nhận giấy tờ. Khi có giấy tờ T đã giao lại cho ông H 02 giấy tờ trên. Sau đó hàng tháng T vẫn gặp ông H đóng lãi số tiền đã vay. Đến tháng 02/2023, T không có tiền để đóng tiền lãi, ông H nhiều lần đến nhà T đòi tiền nên hai bên mâu thuẫn. Ông H nghi ngờ giấy tờ T đưa là giả nên trình báo Công an phường T, sự việc sau đó được điều tra làm rõ.

Vật chứng thu giữ:

+ 01 “Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ” số KD 1179402 đề ngày 17/06/2022.

+ 01 “Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô” số 036163, tên chủ xe: C1 PHÁT, địa chỉ: T S, P, G, TN, đề ngày 01/10/2019.

Bản kết luận giám định số 198/KL-KTHS (TL) ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận:

- 01 “Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ” số KD 1179402 đề ngày 17/06/2022 (ký hiệu A) là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

- 01 “Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô” số 036163, tên chủ xe: C1 PHÁT, địa chỉ: T S, P, G, TN, đề ngày 01/10/2019 (ký hiệu A2) là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

Đối với người T đưa tiền để làm giả giấy tờ, tài liệu cho T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiếp tục xác minh.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 160/2024/HS-ST ngày 24/5/2024, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự .

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Tiếp tục duy trì Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 104 ngày 18/5/2024 đối với bị cáo Nguyễn Hoàng T cho đến khi bị cáo bị bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/6/2024, bị cáo Nguyễn Hoàng T kháng cáo xin được xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Hoàng T có đơn kháng cáo xin hưởng án treo và cung cấp giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới có ông nội là Nguyễn Văn C là liệt sĩ; bị cáo T có hành vi cung cấp thông tin, hình ảnh của 01 giấy chứng nhận đăng ký xe và 01 sổ đăng kiểm xe ô tô biển số 70C-151.12 cho đối tượng không rõ nhân thân trên mạng xã hội để người này làm giả 02 giấy tờ này, rồi bị cáo T đưa cho ông H nhằm mục đích làm tin để tiếp tục thực hiện hợp đồng cầm cố tài sản trước đó giữa bị cáo T và ông H.

Như vậy, ý thức chủ quan của bị cáo T là đặt mua tài liệu giả về nhằm sử dụng, bị cáo không phải là người trực tiếp làm ra tài liệu giả đó. Mặt khác, giữa bị cáo và người trực tiếp làm ra tài liệu giả không có mối quan hệ gì, không có thỏa thuận gì trước về việc mỗi người sẽ thực hiện một công đoạn trong việc làm ra tài liệu giả, mục đích của bị cáo T và người làm ra tài liệu giả đều hoàn toàn khác nhau. Hành vi của bị cáo T cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật, dẫn đến việc xử phạt bị cáo 02 năm tù là nặng so với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; xét thấy bị cáo đã xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, bị cáo còn có nhân thân xấu về tội phạm khác; nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và phòng ngừa chung trong xã hội nên không có căn cứ xem xét chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng T, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm theo hướng tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Bị cáo không tham gia tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo và các chứng cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở để xác định: ngày 16/11/2021, bị cáo Nguyễn Hoàng T đến tiệm cầm đồ Ao Minh H do ông Ao Minh H làm chủ để thế chấp 01 giấy chứng nhận đăng ký xe và 01 sổ đăng kiểm xe ô tô chuyên dụng (xe chở rác) biển số 70C - 151.12 đứng tên Công ty TNHH P1; Khoảng giữa tháng 01/2022 xe chở rác của bị cáo T bị Cảnh sát giao thông tạm giữ; bị cáo T gặp ông H cho mượn lại 02 giấy tờ đã cầm để xuất trình cho Cảnh sát giao thông, xong việc sẽ trả lại. Sau khi nhận 02 giấy tờ trên từ ông H, T làm thủ tục nhận xe. Sau đó, bà Phạm Thị P (mẹ của T) đã giữ 02 giấy tờ trên (việc T cầm cố giấy tờ xe bà P không biết). Sau đó, ông H nhiều lần yêu cầu T đưa lại 02 giấy tờ trên nhưng T không đưa. Khoảng tháng 02/2022, Nguyễn Hoàng T lên mạng xã hội Facebook thấy có người quảng cáo làm giả giấy tờ nên liên lạc và chuyển hình ảnh giấy chứng nhận đăng ký xe và sổ đăng kiểm xe ô tô biển số 70C- 151.12 có sẵn trong điện thoại của T cho người này để làm giả 02 giấy tờ trên với số tiền 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng. Sau khi có được các giấy tờ làm giả T đã giao cho Ao Minh H là người nhận cầm cố 02 giấy tờ trên, hàng tháng T vẫn đóng lãi số tiền đã vay. Đến tháng 02/2023, T không có tiền đóng tiền lãi, ông H nhiều lần đến nhà T đòi tiền nên hai bên mâu thuẫn. Ông H nghi ngờ giấy tờ T đưa là giả nên trình báo Công an phường T, sự việc sau đó được điều tra làm rõ.

Bản kết luận giám định số: 198/KL-KTHS (TL) ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận:

- 01 “Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ” số KD 1179402 đề ngày 17/06/2022 (ký hiệu A) là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

- 01 “Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô” số 036163, tên chủ xe: C1 PHÁT, địa chỉ: T S, P, G, TN, đề ngày 01/10/2019 (ký hiệu A2) là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Hoàng T cung cấp thông tin cho đối tượng không xác định nhân thân lai lịch thông qua mạng xã hội để đặt làm 01 “Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô” và 01 “Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ” đã đủ yếu

tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo là người cung cấp thông tin để đặt làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; dấu mộc trong tài liệu được xác định là in phun màu điện tử là căn cứ để xác định là tài liệu giả; trên thực tế cũng không thu được con dấu giả nên việc xác định tội danh “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là chưa chính xác; tuy nhiên điều luật và khung hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không làm thay đổi bản chất của vụ án.

Hành vi bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến trật tự hành chính, ảnh hưởng đến hoạt động của các cơ quan nhà nước trong công tác quản lý hành chính; bị cáo nhận thức được hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ cá nhân nhằm mục đích đối phó với chủ tiệm cầm đồ nên bị cáo đã cố ý thực hiện, bất chấp hậu quả; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo và cung cấp thêm tình tiết mới bị cáo có ông nội tên Nguyễn Văn C là liệt sĩ là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo không đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng về án treo, nên kháng cáo của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị xét xử bị cáo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự; đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt, xử phạt bị cáo T mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù là chưa phù hợp với phân tích, nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo bị cáo Nguyễn Hoàng T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 160/2024/HS-ST ngày 24/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;

Về tội danh: tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”

Về hình phạt: áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Tiếp tục duy trì Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 104 ngày 18/5/2024 đối với bị cáo Nguyễn Hoàng T cho đến khi bị cáo bị bắt thi hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Hoàng T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1);
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (2);
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo,
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu VT (4), hồ sơ vụ án, NMT, 18.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Lộc